TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 594/2026/DS-PT
Ngày: 16/6/2026
V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: Bà Đào Thị Thủy.

Bà Võ Bích Hải.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Ngọt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thanh Giềng- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 568/2026/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026 về "*Tranh chấp về thừa kế tài sản*". Do bản án dân sự sơ thẩm số 137/2025/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 640/2026/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị T,** sinh năm: 1953, Căn cước công dân: 092153001674 cấp ngày 01/5/2021.

Địa chỉ: khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Thu T1,** sinh năm: 1981, Căn cước công dân: 092181008361 cấp ngày 29/12/2022.

Địa chỉ: khu V, phường T, thành phố Cần Thơ. Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 597, ngày 03/4/2023 tại Văn phòng C.

2. Bị đơn: Ông **Đặng Văn H,** sinh năm: 1963, Căn cước công dân: 089063000059 cấp ngày 12/8/2021.

Địa chỉ: khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T2,** sinh năm: 1972, Căn cước công dân: 092072005413 cấp ngày 02/01/2023.

Địa chỉ: khu V, phường T, thành phố Cần Thơ. Hợp đồng ủy quyền số

công chứng: 2533, ngày 22/12/2023 tại Văn phòng C.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà **Đặng Thị B,** sinh năm: 1966, Căn cước công dân: 092166003914, cấp ngày 25/10/2022.

3.2. Bà **Đặng Thị Đ,** sinh năm: 1970, Căn cước công dân: 092170007416, cấp ngày 01/5/2021.

Cùng địa chỉ: khu vực P, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Thu T1,** sinh năm: 1981, Căn cước công dân: 092181008361 cấp ngày 29/12/2022.

Địa chỉ: khu V, phường T, thành phố Cần Thơ. Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 597, ngày 03/4/2023 tại Văn phòng C.

3.3. Ông **Đặng Văn L,** sinh năm: 1961, Căn cước công dân 092061000260.

3.4. Ông **Trương Văn G**.

Cùng địa chỉ: khu vực P, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Bị đơn Đặng Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2023 và qua các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Đặng Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị B, bà Đặng Thị Đ thống nhất trình bày: Ông Đặng Văn L1 (sinh năm 1924, chết năm 1997) và bà Phạm Thị T3 (sinh năm 1923, chết năm 2005) chung sống với nhau có 05 người con gồm: Đặng Thị T, Đặng Văn L, Đặng Văn H, Đặng Thị B, Đặng Thị Đ. Ngoài ra, không có người con chung, con riêng nào khác. Ông L1 và bà T3 chết không để lại di chúc. Di sản thừa kế ông L1 và bà T3 để lại gồm có Thửa đất số 77, diện tích theo giấy chứng nhận là 877m^2, loại đất LNK. Diện tích qua đo đạc thực tế là 1041,6m^2, loại đất CLN và Thửa đất số 582, diện tích còn lại là 3240m^2. Các thửa đất trên thuộc tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Cần Thơ nay là khu vực P, phường T, thành phố Cần Thơ, do hộ ông Đặng Văn L1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000347 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 10/7/1998. Ngoài hai thửa đất trên, nguyên đơn còn cung cấp thêm thông tin cho rằng ông Đặng Văn L1 có đứng tên sổ mục kê thửa đất số 578, diện tích 3560m^2, loại đất LUC nhưng trong sổ mục kê ghi nhầm thành tên "Đặng Văn L2". Diện tích qua đo đạc thực tế là 3404,2m^2, thửa đất này năm 2010 các nguyên đơn chưa khởi kiện yêu cầu giải quyết do hết thời hiệu khởi kiện. Trước đây, vào năm 2010 các đương sự đã có khởi kiện tranh chấp chia di sản thừa kế tại Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt. Theo bản án dân sự sơ thẩm số 13/2013/DS-ST ngày 26/9/2013 Tòa án đã giải

quyết chia 50% di sản, còn lại 50% di sản tạm giao cho các đương sự tiếp tục sử dụng do hết thời hiệu chia thừa kế 10 năm theo quy định của Bộ luật dân sự 2005. Sau đó, do Bộ luật dân sự 2015 có quy định mới, thời hiệu chia thừa kế là 30 năm nên nay các nguyên đơn tiếp tục khởi kiện để yêu cầu chia 50% di sản còn lại mà bản án trước đây chưa chia. Cụ thể, nay bà Đặng Thị T, Đặng Thị B, Đặng Thị Đ yêu cầu chia thửa 77, 578 và 582 thành 05 kỹ phần bằng nhau, mỗi người nhận 01 kỹ phần bằng hiện vật. Đối với căn nhà phủ thờ trên thửa 77, bà T, bà B, bà Đ không yêu cầu chia và đồng ý giao cho ông Đặng Văn H tiếp tục quản lý sử dụng.

- Bị đơn ông Đặng Văn H có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Về hàng thừa kế và di sản thừa kế, bị đơn thống nhất như nguyên đơn trình bày, ông L1 và bà T3 chết không để lại di chúc. Ông Đặng Văn H không đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời có đơn phản tố cho rằng thửa đất số 77 và 582 đã được giải quyết xong bằng Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2013/DS-ST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, trong đó Tòa án đã tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với thửa 77. Nay nếu có chia thửa 77 và phần còn lại của thửa 582 thì bị đơn yêu cầu tính công sức bồi đắp, tôn tạo làm tăng giá trị đất của ông H, tương đương 01 kỹ phần. Đối với thửa 578 bị đơn thống nhất xác định ông Đặng Văn L2 đứng tên sổ mục kê thửa 578 chính là ông Đặng Văn L1. Do sổ mục kê ghi nhầm tên ông L1 thành ông L2. Bị đơn không đồng ý chia thửa 578 bởi vì nguồn gốc đất là của ông L1, bà T3 đã cho ông H sử dụng từ khoảng năm 1980, trên thực tế hiện trạng thửa đất 578 do ông H đang sử dụng, quá trình sử dụng thì ông H có đi đăng ký kê khai cấp giấy tuy nhiên Ủy ban nhân dân quận T lại cấp giấy sai vị trí thửa đất, cụ thể thừa 578 ông H đang sử dụng lại cấp thành thửa 576 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ00115 cấp ngày 29/4/2010. Trên thực tế thửa 576 là do ông L đang sử dụng. Nếu xác định thửa 578 là di sản thừa kế thì ông H được cấp giấy nhưng lại không có đất trong khi ông H đã sử dụng thửa 578 cách nay trên 40 năm. Ngoài ra, bị đơn yêu cầu Tòa án xác định thêm thửa 577 là di sản thừa kế của ông L1, bà T3. Thửa 577 này do ông Đặng Văn L đứng tên trên giấy nhưng thực tế đất do bà T đang sử dụng. Tuy nhiên, ngày 27/8/2025 bị đơn có đơn yêu cầu rút lại đối với phần yêu cầu phản tố này để giải quyết thành một vụ kiện khác.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn L trình bày: Ông L đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ là Đặng Văn L1, Phạm Thị T3 để lại tại thửa 77, 578 và 582 như nguyên đơn yêu cầu. Cha mẹ chết không để lại di chúc nên ông yêu cầu được nhận 01 kỹ phần theo quy định pháp luật. Về việc bị đơn

cho rằng đất bị cấp sai vị trí: Thửa 576 là của ông L đang sử dụng nhưng lại do ông H đứng tên trên giấy chứng nhận, thửa 577 do ông L đứng tên nhưng thực tế lại do bà Đ đang sử dụng. Thửa 578 cha mẹ đã cho ông H sử dụng từ khoảng năm 1980 cho đến nay, ông H kê khai và bị cấp nhầm thành thửa 576, còn thửa 578 thì vẫn do cha đứng tên trong sổ mục kê.

- Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn G: Theo bị đơn trình bày thì ông H đang cho ông G thuê thửa đất số 578 và 582 canh tác từ năm 2014 đến nay. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông G không có mặt tại Tòa để trình bày ý kiến.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Toà án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 137/2025/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

1. Chia di sản thừa kế của ông Đặng Văn L1 và bà Phạm Thị T3 bao gồm các thửa đất số 77, 582 do hộ ông Đặng Văn L1 đứng tên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000347 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 10/7/1998 và thửa 578 do ông Đặng Văn L2 (Đặng Văn L1) đứng tên sổ mục kê**. C**ác thửa đất trên thuộc tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Cần Thơ nay là khu vực P, phường T, thành phố Cần Thơ **cụ thể như sau:**

- Ông Đặng Văn H được chia diện tích đất 671,3m^2 đất CLN tại thửa 77 (vị trí ký hiệu A) và 3.404,2m^2 đất LUC tại thửa 578.

- Bà Đặng Thị T và bà Đặng Thị B được chia chung diện tích đất 370,3m^2 đất CLN tại thửa 77 (vị trí ký hiệu B) và 2160m^2 đất BHK tại thửa 582 (ký hiệu là 582^1).

- Bà Đặng Thị Đ được chia diện tích đất 1080m^2 đất BHK tại thửa 582 (chia chung với bà T, bà B trong tổng diện tích 3.240m^2 có ký hiệu là thửa 582^1).

Đối với các tài sản gắn liền trên phần đất của ai được chia thì người đó có quyền sở hữu.

Buộc ông Đặng Văn H phải có trách nhiệm giao cho bà Đặng Thị T, Đặng Thị B và Đặng Thị Đ diện tích đất 3.240m^2 tại thửa 582 (ký hiệu là 582^1).

Vị trí, kích thước, diện tích đất cụ thể của các thửa đất nêu trên được xác định căn cứ theo Bản trích đo địa chính số 750/VPĐKĐĐ và Bản trích đo địa chính số 751/VPĐKĐĐ do Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C lập ngày 19/9/2024 *(đính kèm)*.

2. Buộc ông Đặng Văn H phải có trách nhiệm trả giá trị đất cho bà Đặng Thị T và Đặng Thị B số tiền 217.608.000 đồng *(Hai trăm mười bảy triệu, sáu trăm lẻ tám ngàn đồng)*; trả cho bà Đặng Thị Đ số tiền 182.864.000 đồng *(Một trăm tám mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn đồng)*; trả cho ông Đặng Văn L số tiền 614.864.000 đồng *(Sáu trăm mười bốn triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, trường hợp **ông Đặng Văn H** chậm trả đối với số tiền trên thì ông H phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế tại thửa 577 do bị đơn rút lại yêu cầu phản tố.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn, bà T và bà Đ yêu cầu nhận các thửa đất tại các vị trí cụ thể như sau:

Công nhận cho bà Đ phần đất tại các vị trí D và I theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất số 327/VPDK – DV ngày 10/6/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C.

Công nhận cho bà B phần đất tại các vị trí E và J theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất số 327/VPDK – DV ngày 10/6/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C.

Công nhận cho bà T phần đất tại các vị trí F và K theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất số 327/VPDK – DV ngày 10/6/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C.

Phía bị đơn yêu cầu được nhận hiện vật sẽ trả giá trị kỷ phần thừa kế.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng

như lời khai tại phiên tòa của các đương sự cho thấy cấp sơ thẩm đã xem xét đầy Nhận thấy cả cụ L1 và cụ T3 chết không để lại di chúc. Các đương sự đều thống nhất trình bày cụ L1 và cụ T3 có 05 người con gồm bà Đặng Thị T, ông Đặng Văn L, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị B, bà Đặng Thị Đ; do đó nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế thành 05 kỷ phần là có có sở chấp nhận. Tài sản thừa kế gồm thửa 77 và một phần các, 827, 578 theo Bản trích đo đạc số 750, 751 ngày 30/7/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C. Đối với thửa 77, theo biên bản xem xét thẩm định ngày 02/12/2024 (BL56-28) thể hiện: Hồng đang sử dụng 671,3m^2 trong đó có 01 căn nhà phủ thờ và một số cây trồng trên đất; bà T và bà B đang sử dụng 370,3m^2 trong đó có 01 căn nhà, 01 chuồng nuôi gia súc là tài sản riêng của bà T, bà B đang ở trên đất. Bản án sơ thẩm xác định cần ổn định chia thửa 77 bằng hiện vật theo như hiện trạng các bên đang sử dụng để không gây ảnh hưởng đến căn nhà trên đất các bên đang ở và buộc trả lại giá trị cho các đồng thừa kế còn lại là phù hợp. Tuy nhiên tại thửa 77 có hai ngôi mộ, tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định được diện tích để trừ ra khi tính giá trị chia đất đều này ảnh hưởng đến quyền lợi của những hàng thừa kế khi tính giá trị phải bù lại. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất với quyết định của tòa án cấp sơ thẩm về việc chia phần đất tại thửa số 77. Đối với đất tại thửa 578, 827 có tổng diện tích là 6.644,2m^2; chia thành 05 kỷ phần, mỗi phần được hưởng 1.328,84m^2. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng phần diện tích tách thửa không đủ điều kiện theo Quyết định số 20 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố C và giao cho bị đơn thửa 578, nguyên đơn cùng với bà Đ, bà B thửa 582 và buộc bị đơn trả lại giá trị đối với phần diện tích nhận vượt cho các hàng thừa kế là không phù hợp. Theo hiện trạng thì thửa 578 và thửa 827 là cặp nhau, việc chia đất là phù hợp đảm bảo diện tích tách thửa, do đó cần chia kỷ phần theo hiện vật để các thừa kế của cụ L1 và cụ T3 đều được hưởng là phù hợp. Như trên phân tích các đương sự đồng ý với cách chia tại thửa 77, đối với thửa 578, 582 chia hiện vật. Do bà H, bà B và ông T đã nhận 1 phần đất tại thửa 77, nên diện tích tại thửa 578 và 827 những người này sẽ được nhận phần ít hơn các hàng thừa kế còn lại. Bà H, Đ, B có yêu cầu khi chia thì đất tại 02 thửa này thì chia liền kề với nhau, đối với phần của ông H phải đảm bảo cho việc canh tác đất còn lại. Nhận thấy yêu cầu này của các đương sự là phù hợp. Theo sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 09/6/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C. Các vị trí A, B, C, D, E, I, J, F K có diện tích cụ thể theo lược đồ. Bên cạnh đó tại vị trí B+G giáp với phần đất ông H đang sử dụng, đồng thời phần diện tích đất ông H đã được nhận tại thửa 77 cộng vợi diện tích đất tại vị trí B + G là đủ kỷ phần của ông H nên giao vị trí này cho ông H. Các vị trí còn lại C+H, D+I, E+J và F+K khi cộng các diện tích lại đủ kỷ phần của các hàng thừa kế nên

lần lượt giao cho ông L, bà B, bà Đ, bà T. Đối với kỷ phần của ông L theo bản án sơ thẩm ông L nhận phần giá trị theo kỷ phần được hưởng, hiện vật giao cho ông H, ông L không có kháng cáo xem như thống nhất với bản án sơ thẩm. Do đó tiếp tục giao kỷ phần ông L được hưởng cho ông H, buộc ông H trả lại giá trị tương đương với kỷ phần ông L được hưởng. Bởi các lẽ trên, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm số 137/2025/DS-ST ngày 31/10/2025 của TAND khu vực 4 – Cần Thơ theo hướng phân tích nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế nhưng phía bị đơn không đồng ý. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp về thừa kế tài sản"* là phù hợp.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, phía bị đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông L và ông G1 vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Thứ nhất: Thửa đất 77 và 582 do hộ ông Đặng Văn L1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000347 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 10/7/1998. Đối với thửa 582, nguyên đơn có cung cấp được văn bản xác định đoàn đo đạc năm 1990 đã ghi nhầm tên ông L1 thành ông L2 trong sổ mục kê, đồng thời, thửa 578 vẫn do ông L1 (Liệt) đứng tên sổ mục kê, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có cơ sở xác định các thửa đất trên là di sản thừa kế.

Thứ hai: Bị đơn cho rằng, thửa đất 578, bị đơn đã được cha mẹ cho đất và sử dụng từ khoảng năm 1980 đến nay, tuy nhiên bị đơn chỉ trình bày miệng chứ không có giấy tờ, chứng cứ chứng minh được cha mẹ tặng cho thửa 578. Thấy rằng, thửa 578 hiện nay vẫn do ông L1 (Liệt) đứng tên sổ mục kê, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên yêu cầu của bị đơn không đồng ý chia thừa kế đối với thửa 578 là không có cơ sở chấp nhận.

Thứ ba: Căn cứ vào Bản trích đo địa chính số 750/VPĐKĐĐ do Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C lập ngày 19/9/2024

và Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất số 327/VPDK – DV ngày 10/6/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tổng diện tích đất của 03 thửa 77, 578, 582 cộng lại là 7.685,8m^2. Đồng thời, theo Biên bản định giá tài sản ngày 02/02/2024 thì loại đất CLN, BHK và LUC có giá bằng nhau là 400.000 đồng/m^2. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Bản trích đo địa chính số 750/VPĐKĐĐ do Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C lập ngày 19/9/2024, Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất số 327/VPDK – DV ngày 10/6/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C.

Thứ tư: Các đương sự thống nhất xác định, người để lại di sản là ông Đặng Văn L1. Ông L1 có một người vợ là Phạm Thị T3. Quá trình chung sống giữa ông L1 và bà T3 có tất cả 05 người con chung là: Đặng Thị T, Đặng Văn L, Đặng Văn H, Đặng Thị B, Đặng Thị Đ. Ngoài ra, không có người con chung, con riêng nào khác. Ông L1 và bà T3 chết không để lại di chúc. Vì vậy, có cơ sở xác định hàng thừa kế thứ nhất gồm có 05 người nên chia di sản thừa kế theo pháp luật bằng 05 kỹ phần bằng nhau. Như vậy, di sản thừa kế của ông L1, bà T3 để lại gồm có thửa đất 77; thửa 578 và thửa 582, tổng diện tích đất của 03 cộng lại là 7.685,8m^2, chia làm 05 phần, mỗi phần được hưởng 1.537,16m^2.

Thứ năm: Bị đơn kháng cáo yêu cầu được nhận hiện vật đối với các thửa đất 578 và 582, bị đơn trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho các đương sự còn lại, Hội đồng xét xử xét thấy: Các thửa 582, 578 do ông Đặng Văn H đang quản lý sử dụng nhưng thửa 582 giáp với thửa 578, mỗi kỷ phần thừa kế sẽ được nhận diện tích 1.537,16 m^2, nếu trừ phần diện tích bà T và bà B đang sử dụng có diện tích 370,3m^2 tại thửa 77 thì bà T và B vẫn đủ điều kiện để nhận kỷ phần bằng hiện vật nên việc chia kỷ phần thừa kế bằng quyền sử dụng đất cho các đương sự đều đảm bảo đúng quy định về diện tích được tách thửa theo Quyết định số 44/2025/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của UBND thành phố C. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận kỷ phần thừa kế cho bà Đ là quyền sử dụng đất tại các vị trí D và I theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất số 327/VPDK – DV ngày 10/6/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C. Công nhận cho bà B phần đất tại các vị trí E và J theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất số 327/VPDK – DV ngày 10/6/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C và công nhận cho bà T phần đất tại các vị trí F và K theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất số 327/VPDK – DV ngày 10/6/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C. Phần diện tích đất còn lại tại các vị trí B, G, C, H theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất số 327/VPDK – DV ngày 10/6/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C công nhận cho ông H và ông H có trách nhiệm trả lại giá trị cho ông L được chia giá trị đất 1.537,16 x 400.000 đồng/m^2 = 614.864.000 đồng. Đối với các tài sản gắn liền trên phần đất của ai được chia thì người đó có quyền

sở hữu. Đối với 02 ngôi mộ trên thửa 77 các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 137/2025/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ cụ thể như sau:

1 Chia di sản thừa kế của ông Đặng Văn L1 và bà Phạm Thị T3 bao gồm các thửa đất số 77, 582 do hộ ông Đặng Văn L1 đứng tên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000347 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 10/7/1998 và thửa 578 do ông Đặng Văn L2 (Đặng Văn L1) đứng tên sổ mục kê**. C**ác thửa đất trên thuộc tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Cần Thơ nay là khu vực P, phường T, thành phố Cần Thơ **cụ thể như sau:**

- Công nhận cho ông Đặng Văn H diện tích đất 671,3m^2 đất CLN tại thửa 77 (vị trí ký hiệu A) theo Bản trích đo địa chính số 750/VPĐKĐĐ do Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C lập ngày 19/9/2024.

- Công nhận cho ông Đặng Văn H diện tích đất 2.403m^2 tại các vị trí B, G, C và H theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất số 327/VPDK – DV ngày 10/6/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C.

- Công nhận cho bà Đặng Thị T và bà Đặng Thị B được chia chung diện tích đất 370,3m^2 đất CLN tại thửa 77 theo Bản trích đo địa chính số 750/VPĐKĐĐ do Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C lập ngày 19/9/2024.

- Công nhận cho bà B diện tích đất 1.352,0m^2 tại các vị trí E và J theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất số 327/VPDK – DV ngày 10/6/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C.

- Công nhận cho bà T diện tích đất 1.352,0m^2 tại các vị trí F và K theo Sơ

đồ đo đạc hiện trạng thửa đất số 327/VPDK – DV ngày 10/6/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C.

- Công nhận cho bà Đ diện tích đất 1.537,2m^2 tại các vị trí D và I theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất số 327/VPDK – DV ngày 10/6/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C.

Đối với các tài sản gắn liền trên phần đất của ai được chia thì người đó có quyền sở hữu.

Các đương sự được quyền tự liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền, để thực hiện thủ tục đăng ký cấp quyền sử dụng đất, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với hiện trạng sử dụng đất thực tế theo quy định của pháp luật.

2. Buộc ông Đặng Văn H phải có trách nhiệm trả giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Đặng Văn L số tiền 614.864.000 đồng *(Sáu trăm mười bốn triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, trường hợp **ông Đặng Văn H** chậm trả đối với số tiền trên thì ông H phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế tại thửa 577 do bị đơn rút lại yêu cầu phản tố.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà B và bà Đ mỗi người phải nộp 14.297.000 đồng. Bà T, ông H và ông L được miễn án phí.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho bị đơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 4 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Tuyết Mai